

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẠNG GIANG  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63 /2022/ HNGĐ-ST

Ngày: 11/8/2022

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh, bà Ngô Thị Mai.

Th ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham  
gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử  
sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/7/2022 về  
việc tranh chấp hôn nhân gia đình; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:  
120/2022/QĐST - HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**\*Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1998 (Xin vắng mặt)

ĐKKHKT: Thôn L, xã C, huyện Lm, tỉnh Bắc Giang.

**\*Bị đơn:** Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1995 (Xin Vắng mặt)

Chức vụ: Thợ pháo, Đại đội A, Trung đoàn B, Sư đoàn 365, Quân chủng  
phòng không không quân.

Địa chỉ: xã H, huyện C, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị  
Nguyễn Thị Th trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc S có đăng ký kết hôn vào  
ngày 29/12/2021 tại UBND C, huyện L, tỉnh Bắc Giang, nhưng chưa được tổ chức  
lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi kết hôn vợ chồng có được  
tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng

chung sống hạnh phúc, được khoảng 08 tháng thì anh S ở tại đơn vị Đại đội A, Trung đoàn B, Sư đoàn 365, Quân chủng phòng không không quân, tại xã H, huyện C. Đến tháng 01/2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S chơi bời, nợ nần nhiều, không quan tâm đến mẹ con chị. Hiện vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08/9/2021.

Hiện nay, cháu L đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn, chị Th có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn anh Nguyễn Ngọc S trình bày:** Anh và chị Th có đăng ký kết hôn ngày 29/12/2021 tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nhưng chưa được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hoà thuận đến tháng 5/2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên vợ chồng cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2022 đến nay. Nay xác định không còn tình cảm, chị Th làm đơn xin ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là: Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08/9/2021. Hiện nay cháu L đang ở với chị Th. Nay vợ chồng ly hôn, anh đồng ý để chị Th nuôi con do cháu chưa đủ 36 tháng tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con thì vợ chồng tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị Th có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay chị Th, anh S xin vắng mặt tại phiên tòa và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Th ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Ngọc S.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08/9/2021. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận, nghị án Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Anh S đang công tác tại đơn vị Đại đội A, Trung đoàn B, Sư đoàn 365, Quân chủng phòng không không quân tại xã H, huyện C, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng; trong quá trình giải quyết vụ án chị Th, anh S có đơn xin xét xử vắng mặt. Vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Th, anh S theo quy định tại điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Ngọc S đã đăng ký kết hôn vào ngày 29/12/2021 tại UBND C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Th, anh S là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân thì thấy: Lời khai của chị Th trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng chị Th đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, không còn tình cảm gì với nhau; Anh S thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 5/2022 đến nay, chị Th có đơn xin ly hôn, anh S đồng ý ly hôn với chị Th. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian sống chung vợ chồng chị Th, anh S không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, vợ chồng không Thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân, việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Ngọc S.

[5]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08/9/2021. Hiện nay cháu L đang ở với chị Th. Vợ chồng ly hôn, chị Th có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu L, anh S đồng ý để chị Th nuôi con do con chưa đủ 36 tháng tuổi. Đối với yêu cầu nuôi con của chị Th thì thấy: Hiện nay, cháu L chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu vẫn còn nhỏ cần được mẹ chăm sóc nhiều hơn và hiện nay cháu đang ở với chị Th. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định “ *Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi*” nên để đảm bảo cho cháu L có điều kiện được chăm sóc tốt cần giao cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08/9/2021 là phù hợp.

Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở chị anh S thực hiện quyền này.

Anh S có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Th, anh S tự thỏa thuận không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về tài sản chung và công nợ: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Ngọc S.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08/9/2021.

Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở chị Thu, anh Toàn thực hiện quyền này.

Anh S có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012993 ngày 01/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị Th đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Th, anh S vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã C, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thu Hà**



